TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09-7-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Công

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Bình;

Ông Đặng Văn Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đức Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Kỷ Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai, cơ sở 2 (cũ là Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 109/2025/QĐST- HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1991;

Địa chỉ thường trú: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (Nay là xã N, tỉnh Khánh Hòa).

Nơi cư trú hiện nay: Nhà trọ Anh K, tổ I, ấp E, phường T (Cũ là xã T, huyện V), tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông Lê Ngọc C, sinh năm 1982;

Địa chỉ thường trú: Xã X, thành phố L (Nay là phường H, tỉnh Đồng Nai), tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú hiện nay: Nhà trọ Anh K, tổ I, ấp E, phường T (Cũ là xã T, huyện V), tỉnh Đồng Nai.

(Bà H - có đơn xin xét xử vắng mặt, ông C - vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn ly hôn, các bản tự khai nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Ngọc C tự nguyện tìm hiểu, yêu thương, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã X, thị xã L, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định năm 2015. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng nay xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân, mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng nhau. Vợ chồng đã cố gắng hòa giải nhưng không có kết quả. Bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Ngọc C.

Về con chung: Bà H xác định, bà và ông C có 02 con chung là Lê Gia H1, sinh ngày 07/8/2016 và Lê Gia K1, sinh ngày 26/9/2019. Ly hôn, bà H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu H1, cháu K1. Yêu cầu ông C cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ cho mỗi cháu. Quá trình trình giải quyết bà H thay đổi yêu cầu cấp dưỡng, cụ thể: Tạm thời bà H không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Ngọc C:

Đã được Tòa án triệu tập để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày tại Tòa án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai, tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Cho bà H được ly hôn với ông C; Về con chung: Giao cháu H1, cháu K1 cho bà H trực tiếp chăm sóc, tạm thời, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này, tách ra giải quyết sau nếu đương sự có yêu cầu; Về án phí: bà H phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Thẩm quyền giải quyết vụ án: Hiện nay bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Lê Ngọc C đang sinh sống tại nhà trọ ở: tổ I, ấp E, phường T (Cũ là xã T, huyện V), tỉnh Đồng Nai. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai, thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

[1.2]. Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Tòa án đã triệu tập các đương sự để tham gia phiên tòa nhưng bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông C vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Lê Ngọc C kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân xã X, thị xã L, tỉnh Đồng Nai cấp Giấychứng nhận kết hôn số 33/2015 ngày 04/5/2015. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, hôn nhân giữa bà H, ông C là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà H, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng nay xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân, mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng nhau. Vợ chồng đã cố gắng hòa giải nhưng không có kết quả. Bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

Theo kết quả xác minh ngày 12/5/2025 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai thì địa phương không có thông tin về mẫu thuẫn trong hôn nhân giữa bà H và ông C do các đương sự không trình báo hay yêu cầu địa phương hòa giải. Tuy nhiên, quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập làm việc, tiến hành hòa giải theo quy định nhưng ông C vắng mặt, không có lời trình bày, bà H đề nghị không tiến hành hòa giải. Do đó, có cơ sở chứng minh bà H đã cương quyết ly hôn, ông C bỏ mặc, không muốn níu kéo tình cảm, hàn gắn gia đình.

Từ những nhận định trên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H, ông C là có thật. Hôn nhân giữa bà H với ông C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử cho bà H được ly hôn ông C.

[2.2]. Về con chung: Bà H xác định, bà và ông C có 02 con chung tên có 02 con chung tên Lê Gia H1, sinh ngày 07/8/2016 và Lê Gia K1, sinh ngày 26/9/2019. Ly hôn, bà H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu H1, cháu K1. Yêu cầu ông C cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ cho mỗi cháu. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H thay đổi yêu cầu giải quyết về con chung, tạm thời không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Lê Ngọc C không có mặt tại Tòa án khi Tòa triệu tập, cũng không có lời khai trình bày ý kiến về con chung.

Xét thấy, cháu H1 đã trên 07 tuổi có nguyện vọng ở với bà H. Hiện nay bà H

có việc làm, hàng tháng có thu nhập. Do đó, để đảm bảo sự ổn định và phát triển tốt nhất cũng như phù hợp với nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử, giao con chung là Lê Gia H1, sinh ngày 07/8/2016 và Lê Gia K1, sinh ngày 26/9/2019 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Tạm thời, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định bà và ông C không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có lời khai nên không đủ cơ sở xác định đối với tài sản chung, nợ chung. Do đó, không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này và tách ra giải quyết bằng vụ việc khác khi đương sự có yêu cầu.

[3]. Về án phí: Bà H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với tài liệu, chứng cứ và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ H.

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn với ông Lê Ngọc C.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Gia H1, sinh ngày 07/8/2016 và Lê Gia K1, sinh ngày 26/9/2019 cho bà Nguyễn Thị Mỹ H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời, ông Lê Ngọc C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này. Tách ra giải quyết bằng một vụ việc khác khi đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0025325 ngày 15/4/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Đương sự đã nộp xong án phí.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Nơi cấp Giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Huy Công